

Số: 66/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 08 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ một dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 814/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 349/BC-BKTNS ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ một dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ một dự án và định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo điểm d khoản 1 Điều 56

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất của cộng đồng và phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, điều kiện và mức hỗ trợ theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số nghèo có phụ nữ tham gia chương trình, dự án; hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng.

2. Một đối tượng có thể tham gia nhiều dự án nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ và không vượt định mức hỗ trợ tối đa quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp cùng một đối tượng, cùng một địa bàn hoặc cùng một dự án đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung thì chỉ lựa chọn một chính sách có lợi nhất để thực hiện.

Điều 4. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một (01) dự án phát triển sản xuất

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

a) Hỗ trợ tối đa 70% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ tối đa 60% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực II;

c) Hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của cộng đồng:

a) Hỗ trợ tối đa 90% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực III, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ấp đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ tối đa 75% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn xã khu vực II;

c) Hỗ trợ tối đa 55% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án, trong đó tối thiểu 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án phải được sử dụng để hỗ trợ trực tiếp các hoạt động sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ của người dân.

Điều 5. Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi đối với các nhóm đối tượng như sau:

1. Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ/dự án đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, hộ gia đình có thành viên là người có công với cách mạng.

2. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/hộ/dự án đối với các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt dự án.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 10 năm 2026.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều